

Khung chương trình BLCU

Năm 1 / Học kỳ 1

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
101944	Tiếng Trung tổng hợp 1 (Comprehensive Chinese 1)	2
100862	Tiếng Trung tổng hợp 2 (Comprehensive Chinese 2)	3
102945	Nói tiếng Trung 1 (Chinese Speaking 1)	2
100827	Nói tiếng Trung 2 (Chinese Speaking 2)	3
101946	Đọc hiểu tiếng Trung 1 (Chinese Reading Comprehension)	2
101947	Nghe hiểu tiếng Trung 1 (Chinese Listening Comprehension)	2
Tổng cộng		14 Tín chỉ

Năm 1/ Học kỳ 2

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
100828	Đọc hiểu tiếng Trung 2 (Chinese Reading Comprehension)	3
100822	Anh văn 1 (English 1)	3
100948	Nói tiếng Trung 3 (Chinese Speaking 3)	3
100950	Đọc hiểu tiếng Trung 3 (Chinese Reading Comprehension)	3
100829	Nghe hiểu tiếng Trung 2 (Chinese Listening Comprehension 2)	3
102089	Nghe hiểu tiếng Trung 3 (Chinese Listening Comprehension 3)	2
Tổng cộng		17 Tín chỉ

Năm 1 / Học kì 3

Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ
001657	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 (National Defense and Security Education	3

000669	Cơ sở văn hoá Việt Nam (Fundamentals of Vietnamese Culture)	2
Tổng		5 Tín chỉ

Năm 2 / Học kì 1

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
100823	Anh văn 2 (English 2)	3
100946	Tiếng Trung tổng hợp 3(Comprehensive Chinese 3)	3
100956	Ngữ pháp tiếng Trung (Chinese Grammar)	3
100828	Tiếng Trung tổng hợp 4 (Comprehensive Chinese 4)	2
100954	Viết văn tiếng Trung 1 (Chinese Writing 1)	3
100981	Viết thương mại 1 (Business Writing 1)	3
102128	Giao tiếp thương mại 1 (Business Communication 1)	2
Tổng cộng		19 Tín chỉ

Năm 2 / Học kì 2

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
100824	Anh văn 3 (English 3)	3
101112	Viết thương mại 2 (Business Writing 2)	3
100980	Giao tiếp thương mại 2 (Business Communication 2)	3
00982	Viết văn Tiếng Trung 2 (Chinese Writing 2)	3
102050	Tiếng Trung tổng hợp cao cấp (Advanced Conprehension Chinese)	2
102051	Đọc hiểu báo chí (Chinese News Reading Comprehension)	2
102052	Nói tiếng Trung nâng cao (Advanced Chinese Speaking)	2
102054	Nghe hiểu tiếng Trung nâng cao (Advanced Chinese Listening Comprehension)	2
Tổng cộng		20 Tín chỉ

Năm 2 / Học kì 3

Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ
100651	Triết học Mac- Lênin (Marxism- Leninism Philosophy)	3
003671	Pháp luật đại cương (General Law)	2
Tổng		5 Tín chỉ